

I. CÔNG TÁC SINH VIÊN

1. Quy chế công tác sinh viên

Thực hiện theo Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN ngày 5/1/2017 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN.

(Xem tại: http://ueb.edu.vn/Sub/13/newsdetail/VB_DH/18429/quy-che-cong-tac-sinh-vien-tai-%C4%91hqghn.htm)

2. Chế độ chính sách đối với sinh viên

2.1. Học bổng khuyến khích học tập

– Đối tượng: Sinh viên có kết quả học tập (chỉ tính điểm thi lần đầu) và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên, trong đó không có học phần nào đạt điểm dưới B và không bị kỷ luật.

– Có 3 mức học bổng: Mức 1 dành cho sinh viên có kết quả học tập xuất sắc và kết quả rèn luyện xuất sắc. Mức 2 dành cho sinh viên có kết quả học tập đạt loại giỏi trở lên và kết quả rèn luyện đạt loại tốt trở lên. Mức 3 dành cho sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá trở lên và kết quả rèn luyện đạt loại khá trở lên.

Tại học kỳ xét học bổng, sinh viên được xét, cấp học bổng phải hoàn thành ít nhất 14 tín chỉ.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu sinh viên chưa hoàn thành 14 tín chỉ thì Thủ trưởng đơn vị quyết định.

– Kết thúc học kỳ, căn cứ vào ngân khoản, tiêu chí xét cấp học bổng, Thủ trưởng đơn vị quyết định cấp các loại học bổng theo từng khóa, từng ngành.

Sinh viên đang được hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi theo Quy định hiện hành của Nhà nước, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì vẫn được xét cấp học bổng khuyến khích học tập.

Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ, mỗi học kỳ 5 tháng.

2.2. Học bổng chính sách

– Đối tượng được cấp học bổng chính sách là sinh viên hệ cử tuyển đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

– Mức học bổng chính sách là 360.000đồng/tháng và cấp đủ 12 tháng trong một năm học. Đối với các chương trình đào tạo có thời gian dưới 01 năm hoặc có thời gian

năm học cuối không đủ 12 tháng thì học bổng được cấp theo số tháng thực học của năm học đó.

– Nguồn kinh phí thực hiện cấp học bổng chính sách được cân đối trong dự toán chi Ngân sách Nhà nước sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách và do các địa phương trực tiếp quản lý.

Ngoài các loại học bổng quy định trên, còn có các học bổng tài trợ của các tổ chức, hội và các quỹ trong và ngoài nước cấp cho những sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, cho sinh viên có hoàn cảnh thật sự khó khăn nhưng hiếu học. Việc xét cấp học bổng này sẽ thông báo riêng về tiêu chuẩn đối với từng loại học bổng.

2.3. Miễn giảm học phí

2.3.1. Đối tượng được miễn 100% học phí

a. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VBQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

– Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

– Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ, con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

b. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

e. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

– Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hù, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRaau, Ô Đu.

– Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH.

2.3.2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số (không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người);
- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư liên tịch số 09/TTLT- BGDĐT-BTC- BLĐTBXH (trừ các vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn).

2.3.3. Đối tượng được giảm 50% học phí (Mục b điều 4 khoản 3 TT09/2016)

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

2.4. Hỗ trợ chi phí học tập

a. Đối tượng

Để được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, sinh viên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(1) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

(2) Thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng tại năm tham dự tuyển sinh theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng.

(Không áp dụng đối với sinh viên: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học)

b. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/ sinh viên.

- Số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

2.5. Trợ cấp xã hội

a. Đối tượng được cấp trợ cấp xã hội

(1) Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao. Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc, hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong đó có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu

thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm nhập học tại trường). Việc xác định vùng cao theo quy định hiện hành.

(2) Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú).

(3) Sinh viên là người tàn tật theo quy định của nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định (hồ sơ, thủ tục giám định y khoa áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 34/TT-LB ngày 29/12/1993 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội – Bộ Y tế). Sinh viên thuộc diện này phải xuất trình biên bản giám định y khoa và xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

(4) Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo phải xuất trình giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do UBND cấp xã xác nhận theo mẫu giấy chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH.

b. Mức trợ cấp xã hội

- Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.
- Đối với sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung có mức trợ cấp xã hội 140.000 đồng/tháng.

2.6. Trợ cấp ưu đãi

2.6.1. Đối tượng được hưởng trợ cấp ưu đãi

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong kháng chiến; thương binh; người hưởng chính sách như thương binh;
- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động trong kháng chiến;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/08/1945;
- Con của liệt sỹ; con của thương binh, con của bệnh binh; con của người người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2.6.2. Phạm vi áp dụng

Chế độ ưu đãi trong giáo dục được áp dụng đối với sinh viên là:

- Người có công với cách mạng và con của họ quy định tại mục 1 (sau đây gọi chung là sinh viên thuộc diện ưu đãi) theo học hệ chính quy tập trung có khóa học từ 1 năm trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo); học liên tục lên trình độ đào tạo cao hơn gồm: trung cấp lên cao đẳng; cao đẳng lên đại học.

- Sinh viên thuộc diện ưu đãi mà cùng một lúc học ở nhiều trường (hoặc nhiều khoa trong một trường) thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi mức cao nhất (bao gồm: trợ cấp một lần, trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ học phí nếu có) tại một trường.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với sinh viên diện chính sách thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học.
- + Đã hưởng chế độ ưu đãi tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học
- + Người có công bị đình chỉ chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

2.6.3. Chế độ ưu đãi

- Chế độ trợ cấp ưu đãi hàng năm
- Chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng

Các mức trợ cấp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với cách mạng.

2.6.4. Phương thức chi trả trợ cấp ưu đãi

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, tổ chức chi trả trợ cấp cho sinh viên thuộc diện ưu đãi.

2.7. Tín dụng cho sinh viên

2.7.1. Đối tượng được vay vốn

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

1. Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

2. Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

- Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

3. Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

2.7.2. Phương thức cho vay

1. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, được trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhà trường đóng trụ sở.

2. Giao Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên.

2.7.3 Điều kiện vay vốn

1. Học sinh, sinh viên đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn tại mục 2.7.1

2. Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

3. Đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

2.7.4. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa là 1.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

2.7.5. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên là 0,5%/tháng.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.